



KẾ HOẠCH

Phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Thực hiện Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030"; UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch Phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2030; với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các nội dung, giải pháp của "Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030" ban hành kèm theo Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025

- Chủ động phòng, khống chế kịp thời các bệnh nguy hiểm ở động vật thủy sản đến năm 2025, đảm bảo đạt mục tiêu:

+ Bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp, hoại tử cơ quan tạo máu, cơ quan biểu mô và vi bào tử trùng ở tôm nuôi nước lợ, diện tích bị bệnh thấp hơn 12% tổng diện tích nuôi.

+ Bệnh do Perkinsus spp ở nhuyễn thể (ngao/nghêu, hào...), diện tích bị bệnh thấp hơn 7% tổng diện tích nuôi.

+ Không để mầm bệnh lây lan rộng trên đối tượng thủy sản nuôi khác, bao gồm: bệnh hoại tử thần kinh trên cá biển, bệnh do TiLV trên cá rô phi, cá điêu hồng, một số bệnh nhiễm khuẩn, xuất huyết trên cá nước ngọt.

+ Ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm (bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp tính, hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô, vi bào tử trùng), các bệnh mới nổi có nguy cơ xâm nhiễm vào Việt Nam (Hội chứng Taura, đầu vàng, bệnh do DIV1, hoại tử gan tụy, teo gan tụy, hoại tử cơ).

- Đến năm 2025, xây dựng ít nhất 2 cơ sở, vùng sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh (ATDB) đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định của Tổ chức

Thú y thế giới (OIE) và quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

- 100% cán bộ làm công tác thú y thủy sản cấp tỉnh, huyện được đào tạo, bồi dưỡng, trau dồi kiến thức về chuyên môn.

b) Giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục chủ động phòng, khống chế kịp thời các bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản đến năm 2030, đảm bảo đạt mục tiêu:

+ Bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp, hoại tử cơ quan tạo máu, cơ quan biểu mô và vi bào tử trùng ở tôm nuôi nước lợ, diện tích bị bệnh thấp hơn 10% tổng diện tích nuôi.

+ Bệnh do Perkinsus spp ở nhuyễn thể (ngao/nghêu, hào...), diện tích bị bệnh thấp hơn 5% tổng diện tích nuôi.

+ Không để mầm bệnh lây lan rộng trên đối tượng thủy sản nuôi khác bao gồm: Bệnh hoại tử thần kinh trên cá biển, bệnh do TiLV trên cá rô phi, cá điêu hồng, một số bệnh nhiễm khuẩn, xuất huyết trên cá nước ngọt.

- Tiếp tục ngăn chặn có hiệu quả một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm, các bệnh mới có nguy cơ xâm nhiễm vào Việt Nam, bao gồm: Hội chứng Taura, đầu vàng, bệnh do DIV1, hoại tử gan tụy, teo gan tụy, hoại tử cơ hoặc những bệnh theo cảnh báo của OIE và Mạng lưới các Trung tâm nuôi trồng thủy sản châu Á Thái Bình Dương (NACA).

- Đến năm 2030, tiếp tục duy trì điều kiện ATDB cho các cơ sở, vùng đã được công nhận, đồng thời xây dựng thêm ít nhất 3 cơ sở, vùng sản xuất thủy sản ATDB đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định của Tổ chức OIE và quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện việc rà soát, góp ý, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thú y thủy sản theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; trong đó đề xuất bổ sung quy định các biện pháp phòng bệnh, giám sát chủ động tác nhân gây bệnh có nguy cơ xâm nhiễm vào trong nước; bổ sung biện pháp phòng, chống một số bệnh mới xuất hiện.

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; trong đó có quy định về lộ trình các cơ sở sản xuất, cung ứng động vật thủy sản sử dụng làm giống phải đạt ATDB.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ

quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021-2030: hoàn thiện hệ thống quản lý thú y (bao gồm cả thú y thủy sản) từ Trung ương đến cấp xã.

2. Hướng dẫn các quy trình phòng, chống dịch bệnh và an toàn dịch bệnh.

Hướng dẫn quy trình phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên một số loài thủy sản nuôi chính, cụ thể:

- Công tác giám sát an toàn dịch bệnh đối với một số loài thủy sản nuôi chính theo các mô hình nuôi.

- Các biện pháp vệ sinh thú y, an toàn sinh học cho các cơ sở sản xuất giống theo đối tượng.

- Các biện pháp vệ sinh thú y, an toàn sinh học cho các cơ sở nuôi thương phẩm theo đối tượng và hình thức nuôi.

- Quy trình xử lý bùn đáy ao, chất thải, thủy sản chết trong nuôi trồng thủy sản nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Các quy trình chẩn đoán bệnh.

- Rà soát, cập nhật quy trình điều tra dịch tễ dịch bệnh thủy sản.

3. Nâng cao năng lực hệ thống thú y thủy sản

a) Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác thú y thủy sản

- Nội dung tập huấn: (1) Bệnh và chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật thủy sản; (2) dịch tễ học; (3) năng lực quản lý và phân tích dữ liệu dịch bệnh trong đó có kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ công tác thú y thủy sản; (4) năng lực quản lý nhà nước về thú y thủy sản, cập nhật kiến thức và quy định của quốc tế về thú y thủy sản.

- Các khoá tập huấn có thể do cơ quan chuyên môn Trung ương hoặc cấp tỉnh/cấp huyện tổ chức.

b) Nâng cấp trang thiết bị cho công tác điều tra, ứng phó dịch bệnh tại cơ sở

Căn cứ thực trạng trang thiết bị phục vụ điều tra, giám sát và xử lý dịch bệnh tại cơ quan có chức năng quản lý thú y thủy sản, đề nghị mua sắm thiết bị thiết yếu đảm bảo công tác thú y thủy sản và an toàn cho cán bộ đi làm công tác thực địa.

c) Nâng cao chất lượng thông tin dịch bệnh và hệ thống báo cáo dịch bệnh

- Thống nhất biểu mẫu thu thập dữ liệu dịch bệnh cho các đối tượng nuôi trồng thủy sản khác nhau và sử dụng chung biểu mẫu thu thập dữ liệu cho cả cấp trung ương và địa phương, giảm thiểu biểu mẫu báo cáo và đảm bảo tính đồng bộ từ Trung ương đến cấp xã và thuận lợi cho người làm công tác báo cáo thống kê.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản, bao gồm: báo cáo, chia sẻ, phân tích số liệu dịch bệnh, lập bản đồ dịch tễ,...

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức tập huấn cho cán bộ thú y tại các địa phương về công tác báo cáo dịch bệnh đảm bảo tính khoa học, lưu trữ và truy xuất dữ liệu báo cáo, đáp ứng yêu cầu quản lý tại địa phương.

4. Tổ chức phòng, chống dịch bệnh tiến đến kiểm soát có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trên một số đối tượng thủy sản nuôi chủ lực

a) Hướng dẫn áp dụng các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh

- Hướng dẫn tuân thủ các quy định về điều kiện cơ sở nuôi, xử lý nước thải, chất thải theo quy định, mùa vụ thả giống, chất lượng con giống được kiểm dịch theo quy định, áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi, quản lý chăm sóc ao nuôi; áp dụng các biện pháp hỗ trợ nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh.

- Áp dụng các biện pháp phòng bệnh, chống dịch, xử lý ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y; định kỳ kiểm tra ao, hồ, lồng, bè nuôi thủy sản, xử lý động vật trung gian truyền bệnh; thu mẫu gửi xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có dịch bệnh phát sinh; xử lý động vật thủy sản nghi mắc bệnh, mắc bệnh, chết; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng và áp dụng các biện pháp xử lý ao hồ, lồng, bè nuôi thủy sản, môi trường nước, thức ăn, phương tiện, dụng cụ sử dụng trong quá trình nuôi,...

b) Giám sát bị động

- Thường xuyên kiểm tra cơ sở nuôi thủy sản; trường hợp phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu bất thường, nghi mắc bệnh, tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh và các thông số quan trắc môi trường.

- Tổ chức xử lý nhanh, điều tra truy xuất nguồn bệnh, xử lý kịp thời và hiệu quả khi phát hiện hoặc xuất hiện bệnh trên thủy sản.

- Hỗ trợ người nuôi trồng thủy sản xử lý ổ dịch nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh trên thủy sản.

c) Giám sát chủ động

- Tổ chức giám sát chủ động một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nhằm đánh giá thực trạng lưu hành một số bệnh nguy hiểm đã xuất hiện tại địa phương.

- Tổ chức giám sát chủ động đối với dịch bệnh chưa xuất hiện tại địa phương nhưng có nguy cơ xâm nhập.

- Tổ chức giám sát dịch bệnh trên thủy sản tự nhiên trên hệ thống sông chính tại các vùng nuôi được giám sát chủ động dịch bệnh.

đ) Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ dịch tễ lưu hành một số dịch bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản

- Tổ chức xây dựng bản đồ dịch tễ và đề xuất, hướng dẫn các biện pháp xử lý phù hợp với thực tiễn, bảo đảm hiệu quả ngăn ngừa dịch bệnh.

- Xây dựng dữ liệu về báo cáo dịch bệnh và giám sát dịch bệnh áp dụng trên toàn tỉnh hướng đến quản lý số theo chủ trương chung của tỉnh.

5. Xây dựng cơ sở ATDB đáp ứng quy định của Việt Nam, nước xuất khẩu

a) Tổ chức giám sát chủ động, xây dựng cơ sở ATDB với các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên tôm nuôi được liệt kê tại phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này và một số bệnh theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu:

- Phối hợp với các doanh nghiệp (cung cấp nguyên liệu thủy sản cho xuất khẩu) tổ chức xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định của Việt Nam và nước xuất khẩu với tiêu chí nhà nước và doanh nghiệp cùng làm.

- Tập trung và ưu tiên hỗ trợ xây dựng cơ sở sản xuất giống an toàn dịch bệnh và vùng nuôi tập trung công nghệ cao hoặc các cơ sở có sản lượng con giống lớn.

b) Tổ chức phổ biến, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp các quy định về vùng, cơ sở ATDB của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

6. Tổ chức kiểm dịch, kiểm soát động vật, sản phẩm động vật thủy sản

- Thực hiện nghiêm việc kiểm dịch động vật thủy sản theo quy định của Luật Thú y.

- Tổ chức giám sát, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản sử dụng làm giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Kiểm soát, ngăn chặn, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản.

7. Nâng cao hiệu quả công tác nuôi trồng thủy sản

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản và tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến người nuôi.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng để hỗ trợ người nuôi trồng thủy sản nâng cao năng lực sản xuất và phòng chống dịch bệnh.

c) Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản theo Quyết định số 434/QĐ-TTg.

Thực hiện nghiêm theo Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản, giai đoạn 2021-2025; tổ

chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS và đề xuất kế hoạch cho giai đoạn 2026-2030.

8. Ứng dụng khoa học vào nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực

- a) Nghiên cứu và ứng dụng mô hình nuôi tôm ATDB.
- b) Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp quản lý và xử lý tác nhân gây bệnh trong ao nuôi, dụng cụ, bùn và rác thải khác trong quá trình nuôi.

9. Thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức

- a) Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý và bảo vệ môi trường vùng nuôi trồng thủy sản, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh thủy sản, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB.
- b) Chia sẻ kết quả giám sát bị động, giám sát chủ động với các địa phương, doanh nghiệp, người nuôi để chủ động phòng, chống dịch bệnh. Đồng thời chia sẻ kết quả giám sát bị động, giám sát chủ động, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề hỗ trợ xác định thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách các cấp bảo đảm kinh phí sự nghiệp theo phân cấp ngân sách và theo các chế độ quy định hiện hành cho các hoạt động: phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh như: tập huấn, giám sát dịch bệnh (chủ động, bị động); kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh; xây dựng cơ sở ATDB; trang thiết bị hỗ trợ công tác điều tra và xử lý ổ dịch; dự trữ hóa chất phòng, chống dịch; thông tin tuyên truyền...

2. Kinh phí thuộc doanh nghiệp, chủ cơ sở

a) Các doanh nghiệp, cơ sở nuôi thủy sản chịu trách nhiệm về kinh phí thực hiện xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y tại cơ sở; chủ động giám sát một số dịch bệnh nguy hiểm thủy sản; chủ động phòng, chống dịch bệnh an toàn, hiệu quả, đúng quy định.

b) Tổ chức xây dựng, thẩm định cơ sở an toàn dịch bệnh đối với một số bệnh nguy hiểm (đốm trắng, hoại tử gan tụy), cũng như một số bệnh khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Căn cứ nội dung và nhiệm vụ được giao, hàng năm vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung theo Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi để tổng hợp trong dự toán chi của Sở Nông nghiệp và PTNT, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả, trong đó tập trung công tác giám sát dịch bệnh (bao gồm cả chủ động và bị động) tại các vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm của tỉnh, xây dựng cơ sở ATDB.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hệ thống dữ liệu dịch bệnh, giám sát dịch bệnh, quan trắc môi trường... trên phạm vi toàn tỉnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của Cục Thú y và Tổng cục Thủy sản.

d) Nâng cao năng lực hệ thống thú y của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về thú y (bao gồm cả thú y thủy sản). Đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương/thủy lợi, hệ thống giao thông tại các vùng nuôi tạo điều kiện thuận lợi cho ngành thủy sản phát triển bền vững.

đ) Thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cơ sở nuôi trồng thủy sản về phòng, chống dịch bệnh, an toàn dịch bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất, kiểm dịch.

e) Khuyến khích cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong quá trình nuôi trồng thủy sản, các phương pháp/mô hình, kỹ thuật nuôi tiên tiến thân thiện môi trường và kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh, xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

f) Định kỳ (06 tháng và 01 năm) báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Thú y) về kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo Quyết định 434/QĐ-TTg trên địa bàn.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành để bố trí ngân sách hàng năm thực hiện Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2030, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Bố trí nguồn kinh phí nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phòng chống dịch bệnh, ATDB, các quy trình nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học trên động vật thủy sản theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Chủ trì tham mưu Hội đồng khoa học và công nghệ trong việc lựa chọn các nghiên cứu khoa học, đề tài có tính ứng dụng, khả thi, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về thú y thủy sản, phòng chống dịch bệnh hiệu quả và nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn sinh học trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, địa phương liên quan đề xuất hình thức nhân rộng đối với các đề tài, dự án liên quan đến công nghệ nuôi, phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

a) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn liên quan phối hợp xây dựng Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi, giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn quản lý trình UBND cấp huyện ban hành. Trong đó, Kế hoạch cần bố trí kinh phí theo nội dung phần ngân sách cấp huyện để chủ động triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi hàng năm; đồng thời phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị để có cơ sở thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn, UBND cấp xã thực hiện công tác giám sát, báo cáo, phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo Luật Thú y và Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT.

5. Các cơ sở sản xuất, ương nuôi thủy sản giống, nuôi thương phẩm

a) Tham gia thực hiện giám sát một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản.

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thú y và nuôi trồng thủy sản có thẩm quyền để triển khai thực hiện giám sát một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi.

c) Bố trí nguồn lực và kinh phí đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất đảm bảo an toàn sinh học; triển khai thực hiện giám sát một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi trong trường hợp không được lựa chọn để giám sát nhưng tự nguyện tham gia./.

Phụ lục
KHÁI TOÁN NGÂN SÁCH THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2030)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện					Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Dự toán 1 năm	Năm 2021	Giai đoạn 2022-2025	Giai đoạn 2026-2030	Tổng nhu cầu 2021-2030		
I	Nâng cao năng lực hệ thống thú y thủy sản							
1	Tập huấn công tác thú y thủy sản	50.000.000	0	200.000.000	250.000.000	450.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thú y
II	Tổ chức phòng, chống dịch bệnh							
1	Giám sát dịch bệnh chủ động							
a)	Giám sát dịch bệnh trên tôm	100.000.000	0	400.000.000	500.000.000	900.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
b)	Giám sát dịch bệnh trên cá	40.000.000	0	160.000.000	200.000.000	360.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
c)	Ngao/nghêu, hào và động vật hai mảnh vỏ khác	40.000.000	0	160.000.000	200.000.000	360.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp

								huyện
2	Giám sát dịch bệnh bị động (điều tra thu mẫu xác định nguyên nhân và đưa ra các biện pháp phòng, chống)	150.000.000	0	600.000.000	750.000.000	1.350.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
3	Tổ chức kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh tại các địa phương và xây dựng cơ sở ATDB...	50.000.000	0	200.000.000	250.000.000	450.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
4	Trang thiết bị hỗ trợ công tác điều tra và xử lý ổ dịch	50.000.000	0	200.000.000	250.000.000	450.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
5	Dự trữ hóa chất phòng, chống dịch bệnh	500.000.000	0	2.000.000.000	2.500.000.000	4.500.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính
III	Thông tin tuyên truyền						Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
1	Phối hợp với Đài truyền hình quay phim tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh thủy sản	50.000.000	0	200.000.000	250.000.000	450.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
2	Phát sóng	10.000.000	0	40.000.000	50.000.000	90.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
3	In ấn tờ rơi	20.000.000	0	80.000.000	100.000.000	180.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
IV	Nghiên cứu và tổ chức các hội							

	thảo khoa học							
1	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản, bao gồm: báo cáo, chia sẻ, phân tích số liệu dịch bệnh, dự báo, cảnh báo dịch bệnh, lập bản đồ dịch tễ,...	50.000.000	0	200.000.000	250.000.000	450.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
2	Ứng dụng và nhân rộng mô hình nuôi tôm an toàn dịch bệnh.	200.000.000	0	800.000.000	1.000.000.000	1.800.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
V	Nâng cao hiệu quả công tác nuôi trồng thủy sản	300.000.000	0	1.200.000.000	1.500.000.000	2.700.000.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện
	Tổng cộng	1.610.000.000	0	6.440.000.000	8.050.000.000	14.490.000.000		